

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ - ST
Ngày 08 tháng 9 năm 2020
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Khang

2. Ông Nguyễn Văn Chung

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang- Cán bộ Toà án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 178/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn P, xã , huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Văn T ngày 10/10/2013, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong chị về ở chung cùng gia đình anh T. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên chơi cờ bạc, không trí thú làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Bản thân chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi làm cho mâu thuẫn gia đình thường xuyên căng thẳng. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Đỗ Văn T. Hiện nay chị không có thai.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là các cháu: Đỗ Hoàng Tuệ A, sinh ngày 15/9/2014; Đỗ Hoàng Gia H, sinh ngày 21/3/2017. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và công sức lao động: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị nhất trí nộp cả.

Bị đơn anh Đỗ Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T, nhưng anh T đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại địa phương và gia đình cho biết: Trong quá trình chung sống chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì gia đình và địa phương không nắm được. Hiện tại anh T đi làm dưới Hà Nội. Thỉnh thoảng anh T có gọi điện về cho gia đình, tuy nhiên gia đình và chính quyền địa phương không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Hà Nội. Anh T đã biết việc chị H có đơn xin ly hôn gửi Tòa án và anh T còn gọi điện về nói với gia đình anh không muốn “bỏ vợ”, nếu chị H nhất quyết đòi ly hôn thì anh phải chịu theo quy định của pháp luật. Chị H và anh T có 02 con chung là các cháu: Đỗ Hoàng Tuệ A, sinh ngày 15/9/2014; Đỗ Hoàng Gia H, sinh ngày 21/3/2017. Nay chị H xin ly hôn anh T, xin nuôi con chung, địa phương và gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị H đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh T là bị đơn đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T. Về con chung: Giao cho chị H được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ Hoàng Tuệ A, sinh ngày 15/9/2014 và cháu Đỗ Hoàng Gia H, sinh ngày 21/3/2017. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp và công sức lao động các bên đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Đỗ Văn T và xin nuôi con. Bị đơn anh Đỗ Văn T hiện có hộ khẩu và cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Đối với anh Đỗ Văn T, quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần và đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác minh tại địa phương nơi cư trú và người thân của anh T cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh T. Như vậy việc bị đơn vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T đăng ký kết hôn với nhau ngày 10/10/2013, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống cùng bố mẹ anh T. Xem xét hôn nhân giữa chị H và anh T thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh T có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị H trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên chơi bời cờ bạc, không trí thú làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Bản thân chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi làm cho mâu thuẫn gia đình thường xuyên căng thẳng. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án anh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, gia đình đã thông báo cho anh T biết việc chị H xin ly hôn và xin nuôi con, nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để làm việc và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa để trình bày ý kiến về mâu thuẫn vợ chồng hay xin hàn gắn, đoàn tụ; không có ý kiến gì về con chung, tài sản, công nợ và đất nông nghiệp. Điều đó thể hiện thái độ không chấp hành pháp luật của anh T, nên anh T tự chịu trách nhiệm. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[4]. Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là các cháu Đỗ Hoàng Tuệ A, sinh ngày 15/9/2014 và cháu Đỗ Hoàng Gia H, sinh ngày

21/3/2017 (Hiện các cháu đang ở cùng chị H). Ly hôn chị H xin được nuôi cả hai cháu Tuệ A, Gia H và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm về việc nuôi con. Chị H hiện có chỗ ở, công việc thu nhập ổn định do đó cần giao cháu Tuệ A và Gia H cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức lao động: Chị H không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[6]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Hoàng Tuệ A, sinh ngày 15/9/2014 và cháu Đỗ Hoàng Gia H, sinh ngày 21/3/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Hiện cháu A và H đang ở cùng chị H). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0005062 ngày 23/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V.
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Quỳnh